

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 08-02-2018
V/v Tranh chấp về
“Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Phương;

Ông Ngô Chí Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đ Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ 13, ấp Thạnh P, xã Thạnh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ 8, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Lê H, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 25, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-10-2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Ngày 20-6-2017, bà có cho chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn Đ

vay số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng, không thể chấp tài sản. Khi vay chị Đ, anh Đ ký tên vào giấy vay tiền và thỏa thuận khi chị Đ, anh Đ làm thủ tục vay được tiền ở ngân hàng thì trả lại cho bà, nhưng từ khi vay tiền cho đến nay chị Đ, anh Đ không trả được tiền vay, tiền lãi cho bà.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Đ, anh Đ và chị H có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay 60.000.000 và tiền lãi 1%/ tháng, tính từ ngày 20-6-2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Đ: Chị Đ thừa nhận ngày 20-6-2017, chị và anh Đ là anh rể của chị có ký vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 4.000 đồng/ ngày/ 1.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, khi vay không thể chấp tài sản, thời hạn trả nợ đến khi chị làm thủ tục vay lại được ở ngân hàng. Do không làm thủ vay lại được ở ngân hàng, nên ngày 20-9-2017 chị đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đến Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân Biên để làm thủ tục và vay được số tiền 50.000.000 đồng, khi vay được tiền chị liên lạc với bà T bằng điện thoại đến quán cà phê “Chỗ c” thuộc khu phố 1, thị trấn Tân C, tại đây chị trả cho bà T 50.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng. Từ khi vay tiền cho đến khi trả được 50.000.000 đồng, chị và anh Đ chưa trả được tiền lãi cho bà T, nên khi trả 50.000.000 đồng, bà T tính tiền lãi theo thỏa thuận 4.000 đồng/ ngày/ 1.000.000 đồng nên nợ khoảng hơn 25.000.000 đồng và tiền bà T đi làm thủ tục vay lại tiền ở ngân hàng giùm hơn 1.000.000 đồng, cộng với tiền gốc còn nợ nên chị và anh Đ nợ bà T 37.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy Đ của pháp luật.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H thống nhất với lời trình bày của chị Đ, đồng ý cùng với chị Đ trả cho bà T số tiền nợ 10.000.000 đồng và tiền lãi 1%/ tháng cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, bà T cho rằng từ khi vay tiền đến nay chị Đ, anh Đ chưa trả cho bà số tiền vay nào; bà T không thừa nhận chị Đ đã trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng như lời chị Đ trình bày; bà yêu cầu chị Đ, anh Đ và chị H trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi 1%/ tháng tính đến ngày 08-02-2018 là 4.200.000 đồng.

Chị Đ thừa nhận ngày 20-6-2017, chị và anh Đ ký giấy vay của bà T 60.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng cho vợ chồng anh Đ, chị H, sau đó đến ngày 20-9-2017 chị vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân B được 50.000.000 đồng và đem trả cho bà T; chị ghi âm được cuộc nói chuyện giữa chị và bà T về việc trả số tiền trên, bà T cũng thừa nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng chị đã trả; chị đồng ý cùng với anh Đ, chị H trả cho bà T số tiền vay còn nợ 10.000.000 đồng và tiền lãi 1%/ tháng theo yêu cầu của bà T.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng, ngày 20-9-2017 chị Đ đã trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân B; bà T thừa nhận giọng nói trong thẻ nhớ do chị Đ cung cấp cho Tòa án là giọng nói của bà, trong đoạn cuối ghi âm thẻ nhớ bà T thừa nhận chị Đ đã trả 50.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà T đối với chị Đ, anh Đ, chị H số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng; các đương sự chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn Đ, chị Nguyễn Thị Lê H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy Đ tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 20-6-2017, chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn Đ ký giấy vay của bà Lê Thị T số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay “Đáo hạn ngân hàng”. Giấy vay tiền không thể hiện bên cho vay, không thỏa thuận lãi suất và cũng không thể hiện thời hạn trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều thừa nhận: Sau khi vay tiền của bà T trả nợ cho ngân hàng chị Đ làm thủ tục vay lại ở ngân hàng để trả cho bà T, nhưng không vay được nên vẫn nợ bà T 60.000.000 đồng.

[3] Xét lời khai của chị Đ, ngày 20-9-2017 chị đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đến Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân B làm thủ tục và vay được số tiền 50.000.000 đồng và trực tiếp đem số tiền trên đến quán cà phê “Chỗ c” thuộc khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh trả cho bà T là có căn cứ, thứ nhất: Chứng cứ chị Đ cung cấp là một “Hợp đồng tín dụng” số 700/2017/HĐTD, ngày 20-9-2017 chị Đ ký vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân B số tiền 50.000.000 đồng; thứ hai: Tại biên bản kiểm tra giọng nói ghi âm thẻ nhớ do chị Đ cung cấp tại BL số 57, bà T xác Đ là giọng nói của mình, trong đó có đoạn đối thoại “Chị Đ nói: Hồi bữa thì em đưa chị năm chục triệu thì để em nói anh Bảy mượn thêm ba bảy triệu gửi chị rút đơn giùm em; bà T: Ừ”; thứ ba: Chị Đ khai khi vay tiền của bà T lãi suất thỏa thuận miệng 4.000 đồng/ ngày/ 1.000.000

đồng là có cơ sở, vì đến khi chị Đ trả được 50.000.000 đồng tiền vay, nhưng chưa trả tiền lãi nên chị Đ nợ tiền lãi từ khi vay tiền đến ngày 20-9-2017 là 22.080.000 đồng (tổng thời gian tính tiền lãi là 92 ngày, 240.000 đồng X 92 ngày), cộng với tiền vay còn nợ 10.000.000 đồng. Do đó, tại BL số 36a, BL số 43 bà T xác Đ nếu chị Đ, anh Đ trả cho bà một lần số tiền 37.000.000 đồng, thì bà rút đơn khởi kiện không yêu cầu trả số tiền còn lại 25.400.000 đồng so với đơn khởi kiện.

Chị Đ, anh Đ ký vay của bà T 60.000.000 đồng, nếu vì tình cảm, vì hoàn cảnh khó khăn của chị Đ thì bà T có thể cho phần tiền lãi, còn nợ gốc phải trả cho bà, nhưng trong vụ án này bà T yêu cầu chị Đ, anh Đ trả số tiền 37.000.000 đồng, thì bà không yêu cầu trả 25.400.000 đồng, như vậy bà cho cả tiền vốn 23.000.000 đồng. Từ những nhận Đ trên xác Đ ngày 20-9-2017 chị Đ đã trả cho bà T được số tiền 50.000.000 đồng vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân B.

Về tiền lãi, bà T yêu cầu chị Đ, anh Đ, chị H trả cho bà tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng là phù hợp theo quy Đ của pháp luật. Do đó, chị Đ, anh Đ, chị H có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà T cụ thể như sau:

$60.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 03 \text{ tháng}, 02 \text{ ngày (từ ngày 20-6-2017 đến ngày 20-9-2017)} = 1.840.000 \text{ đồng};$

$10.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 04 \text{ tháng}, 17 \text{ ngày (từ ngày 21-9-2017 đến ngày 08-02-2018)} = 456.500 \text{ đồng}.$

Với những chứng cứ và nhận Đ trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Chị Nguyễn Thị Đ, anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lê H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi 2.296.500 đồng, tổng cộng 12.296.500 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu chị Đ, anh Đ trả số tiền 51.903.500 đồng.

[4] Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy Đ tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Buộc chị Nguyễn Thị Đ, anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lê H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi 2.296.500 đồng, tổng cộng 12.296.500 đồng (mười hai triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ, anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lê H trả số tiền 51.903.500 đồng (năm mươi một triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, năm trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Đ, anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 614.500 đồng (sáu trăm mười bốn nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T phải chịu 2.595.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp 1.560.000 đồng theo biên lai thu số 0024851, ngày 06-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà T còn phải nộp 1.035.000 đồng (một triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- Cá đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ